

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Xuân Sinh

2. Ông Diêm Đăng Hoạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Mai Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 290/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1979; nơi thường trú: Thôn M, xã Y, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, xã Y, tỉnh Bắc Ninh); số căn cước công dân: xxxxxxxxxxxx (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1974; nơi thường trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh); hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại X, Trại giam số Y, Cục C10, Bộ Công an; số căn cước công dân: xxxxxxxxxxxx (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 18/9/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh). Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2004 do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Năm 2026, anh V bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy và phải chấp hành hình phạt tù chung thân. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ly hôn anh V. Chị có đơn đề nghị không hòa giải và xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 11/9/1996 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 17/3/2004. Cả hai con đều đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2026 do Tòa án nhân dân khu vực 5 - Nghệ An lập theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 27 ngày 11/6/2026, bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh và chị L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 18/9/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh). Năm 2026, anh bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án; vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Về con chung: Anh V xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 11/9/1996 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 17/3/2004; cả hai con đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Các đương sự đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn V có nơi thường trú tại xã N, tỉnh Bắc Ninh. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị L và bị đơn anh V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang vào ngày 18/9/1998, bảo đảm các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị L xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2004 do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Năm 2026, anh V bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy và phải chấp hành hình phạt tù chung thân; vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh V cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh V có 02 con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 11/9/1996 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 17/3/2004. Cả hai con đều đã trưởng thành; các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị L là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn V.
2. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005504 ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã N, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Hương